

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 44 TC/HCVX

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 12 năm 1986

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong ngành xuất bản

Thị hành Quyết định số 76/HĐBT ngày 26/6/1986 của Hội đồng Bộ Trưởng quy định tạm thời quyền tự chủ tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở, tiếp theo

Thông tư số 11-TC/CNA ngày 22 /7/1986 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong công nghiệp quốc doanh; để phù hợp với đặc điểm ngành, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong ngành xuất bản (gồm các Nhà xuất bản, các cơ quan báo chí, tạp chí- gọi tắt là Nhà xuất bản) như sau :

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG :

1. Việc phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong ngành xuất bản, báo chí về cơ bản được thực hiện theo những quy định chung tại Thông tư số 11-TC-CNA ngày 22/7/1986 của Bộ Tài chính.

2. Căn cứ để thực hiện chế độ phân phối lợi nhuận là số lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận thực tế đạt được của từng Nhà xuất bản.

a. Lợi nhuận kế hoạch hàng năm của Nhà xuất bản được xác định trên cơ sở tổng doanh thu kế hoạch, tính theo giá bán sản phẩm, sau khi trừ đi (-) các khoản chênh lệch giá (nếu có), trừ đi (-) tổng giá thành kế hoạch và trừ (-) thu quốc doanh hoặc thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước.

Lãi định mức áp dụng cho các xuất bản phẩm được căn cứ vào quy mô, lao động, đầu tư cho công tác xuất bản; dựa vào tính chất các loại xuất bản phẩm; khả năng

xuất bản và tiêu thụ. Lãi định mức kế hoạch được xác định theo tỷ lệ % so với giá thành kế hoạch được duyệt. Lãi định mức quy định cho các xuất bản phẩm như sau:

Loại xuất bản phẩm	Lãi định mức
--------------------	--------------

A. Sách:

- | | |
|--|------|
| 1. Sách giáo khoa phổ thông, bổ túc. | |
| 2. Sách phục vụ thiếu nhi. | |
| 3. Sách giáo khoa dùng trong các trường Đảng, trường đại học trung học chuyên nghiệp dạy nghề và sách tham khảo nghiên cứu trong hệ thống đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. | 0,6% |
| 4. Sách phổ biến pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ công tác: | 1,0% |
| - Các loại sách chính trị, sách dân tộc. | 2,0% |
| - Sách khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội phổ thông, chuyên ngành, sách dạy nghề phổ biến kỹ thuật. | 4,0% |
| 5. Sách ngoại văn phục vụ đối ngoại. | 5,0% |
| | 1,0% |

B. Báo chí:

- | | |
|--|------|
| 1. Báo hàng ngày. | 2,0% |
| 2. Báo hàng tháng. | 2,5% |
| 3. Báo hàng tuần. | 3,0% |
| - Báo phục vụ đối tượng xã hội rộng rãi. | 4,0% |
| - Báo ngành phục vụ đối tượng xã hội học. | 1,0% |
| 4. Báo tin phục vụ đối ngoại (quy cách khổ các loại báo theo khổ thực tế Cục báo chí đã duyệt cho xuất bản phát hành). | 1,5% |
| | 2,0% |

C. Văn hoá phẩm :

1. Văn hoá phẩm phục vụ chính trị; mẫu biểu các loại.
2. Văn hoá phẩm khác (Quy cách khổ theo thực tế được duyệt cho xuất bản phát hành).
3. Văn hoá phẩm phục vụ xuất khẩu.

Lợi nhuận xuất bản chính, xuất bản phụ và các khoản lợi nhuận phụ trợ, lợi nhuận kinh doanh ngoài xuất bản đều phải được kế hoạch hoá trong một kế hoạch sản xuất kỹ thuật tài chính thống nhất của nhà xuất bản.

Hoạt động xuất bản chính là hoạt động làm ra các xuất bản phẩm được cấp giấy phép xuất bản trong chức năng nhiệm vụ (như xuất bản sách, báo) và ngoài nhiệm vụ chủ yếu (như làm thêm lịch và xuất bản phẩm khác...)

Hoạt động phụ trợ là các hoạt động bổ sung vào hoạt động xuất bản, như bồi phong lịch, đóng sách tự phát hành nếu được cơ quan phát hành thoả thuận.

Hoạt động kinh doanh ngoài xuất bản là các hoạt động không liên quan đến công tác xuất bản, như làm hộp cát-tông, sản xuất giấy, mua lẻ giấy, rơm rạ đổi lấy giấy in... được cấp có thẩm quyền cho phép.

Hoạt động xuất bản phụ là hoạt động tận dụng phế liệu, phế phẩm làm ra các xuất bản phẩm.

b. Lợi nhuận thực hiện của nhà xuất bản, bao gồm lợi nhuận của các hoạt động nói trên và được xác định trên cơ sở tổng doanh thu thực hiện, trừ đi (-) gia thành thực tế được duyệt, trừ đi (-) thu quốc doanh hoặc thuế và chênh lệch gia (nếu có).

Nhà xuất bản hạch toán kinh tế độc lập, hàng năm được trích lập quỹ xí nghiệp sau khi đã hoàn thành chỉ tiêu pháp lệnh về lợi nhuận và các khoản khác nộp Ngân sách Nhà nước theo kế hoạch.

II. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ XÍ NGHIỆP.

1. Kế hoạch hoá phân phối lợi nhuận:

- Tổng số lợi nhuận kế hoạch của nhà xuất bản được phân phối:

+ Đối với lợi nhuận kế hoạch của xuất bản chính, hoạt động phụ trợ, kinh doanh ngoài xuất bản được để lại nhà xuất bản 50% và nộp Ngân sách Nhà nước 50%.

+ Đối với lợi nhuận kế hoạch của hoạt động xuất bản phụ được để lại 70% và nộp Ngân sách Nhà nước 30%.

- Toàn bộ phân lợi nhuận để lại nhà xuất bản theo kế hoạch được phân phối cho 3 quỹ như sau:

+ Cho quỹ khuyến khích phát triển sản xuất: 40%

+ Số còn lại dành khoảng 2/3 cho quỹ khen thưởng và khoảng 1/3 cho quỹ phúc lợi. Mức trích cụ thể do giám đốc nhà xuất bản quyết định sau khi có ý kiến tham gia của Công đoàn cơ sở.

2. Thực hiện phân phối lợi nhuận:

Trên cơ sở tổng số lợi nhuận kế hoạch, số lợi nhuận phải nộp ngân sách được duyệt và trở thành chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước giao cho nhà xuất bản.

Số lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước được chia làm 4 quỹ và nhà xuất bản có nhiệm vụ nộp đều đặn kịp thời hàng tháng (hoặc định kỳ) vào Ngân sách Nhà nước.

Số được trích 3 quỹ theo kế hoạch cũng được phân ra làm 4 quỹ và đăng ký với Ngân hàng cơ sở phục vụ nhà xuất bản. Nhà xuất bản được tạm trích 70% số trích theo kế hoạch quỹ cho mỗi quỹ (3 quỹ), sau khi có quyết toán quỹ và đã hoàn thành việc nộp lợi nhuận và các khoản khác vào Ngân sách Nhà nước (có xác nhận của cơ quan thu quốc doanh và quản lý tại chính xí nghiệp Trung ương - đối với nhà xuất bản Trung ương, cơ quan tài chính địa phương - đối với nhà xuất bản địa phương).

Hết năm, quyết toán chính thức (bao gồm việc xét duyệt để trích lập chính thức các quỹ), nhà xuất bản sẽ được tính toán đầy đủ số trích lập 3 quỹ theo số lợi nhuận thực tế thực hiện.

a. Tổng số lợi nhuận thực hiện trong phạm vi kế hoạch lợi nhuận đã được duyệt thì phân phối theo tỷ lệ như quy định ở điểm 1, mục II nói trên. Trường hợp nhà xuất bản không hoàn thành kế hoạch nộp lợi nhuận của xuất bản chính (trên cơ sở của số lợi nhuận thực hiện) thì số lợi nhuận của xuất bản phụ phải nộp Ngân sách Nhà nước 50% và để lại nhà xuất bản 50%

Tỷ lệ phân phối lợi nhuận của xuất bản phụ được áp dụng chung cho cả phần trong kế hoạch và vượt kế hoạch.

b. Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch của phần xuất bản chính, hoạt động phụ trợ kinh doanh ngoài xuất bản (nếu có) nộp Ngân sách Nhà nước 40% và để lại nhà xuất bản 60%.

Phần để lại cho nhà xuất bản (kể cả trong kế hoạch và vượt kế hoạch) sau khi đã trừ các khoản phải nộp phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, kỷ luật tiền mặt, tín dụng, thanh toán... và loại trừ các khoản chi bất hợp lý, không hợp lệ, tiêu cực trong giá thành... mới được phân phối cho 3 quỹ theo các tỷ lệ quy định ở điểm 1, mục II nói trên.

Nếu nhà xuất bản không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chủ yếu sau đây:

- + Doanh thu tiêu thụ xuất bản phẩm (sau khi loại trừ yếu tố giá cả).
- + Số lượng, chất lượng của xuất bản phẩm:
 - Số lượng cuốn, bản (với xuất bản sách)
 - Số lượng tờ, ký (với báo chí, tạp san, tạp chí)
 - Số lượng loại (với các loại văn hoá phẩm)
- + Lợi nhuận và các khoản khác nộp Ngân sách Nhà nước thì cứ mỗi tỷ lệ (%) không hoàn thành về 1 trong 2 chỉ tiêu đều phải trừ đi 2% số tiền được trích của mỗi quỹ (3 quỹ) và mỗi % không hoàn thành chỉ tiêu thứ 3, phải trừ đi 3 % số tiền được trích vào mỗi quỹ (3 quỹ).

Khi đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu số lượng, chất lượng của xuất bản phẩm cần phải đánh giá kể cả cuốn, bản đối với sách (bản vượt kế hoạch những cuốn chưa đạt kế hoạch hoặc ngược lại, vượt kế hoạch cho hụt kế hoạch mà lấy chỉ tiêu hụt kế hoạch làm cơ sở giảm trừ; nếu cả cuốn và bản đều hụt kế hoạch thì lấy chỉ tiêu nào có % hụt nhiều làm cơ sở giảm trừ). Đối với báo chí, cách đánh giá chỉ tiêu số lượng tờ, ký cũng đánh giá như cuốn, bản đối với sách nói trên.

Khi đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu pháp lệnh về lợi nhuận và các khoản khác nộp Ngân hàng Nhà nước cần phải so sánh số nộp thực tế với số nộp theo kế hoạch cho từng khoản nộp như sau:

Nếu số đã nộp cao hơn số phát sinh thực tế phải nộp thì mức độ hoàn thành chỉ tính theo số phát sinh phải nộp, nếu số đã nộp thấp hơn số phát sinh thực tế phải nộp thì mức độ hoàn thành tính theo số đã nộp. Sau đó tổng cộng các khoản nộp theo số đã